



CTCP CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2011




ĐỒNG NAI 04-2012

MỤC LỤC

I LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG	4
1. Những sự kiện quan trọng	5
2. Quá trình phát triển	6
3. Định hướng phát triển	7
II BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	9
1. Kết quả hoạt động trong năm	10
2. Những thay đổi trong năm	12
3. Triển vọng và kế hoạch thương lai	12
III BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC.....	13
1. Tình hình tài chính	14
2. Tình hình sản xuất kinh doanh.....	18
3. Những tiến bộ đạt được	20
4. Kế hoạch 2012.....	21
IV CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN	24
V TỔ CHỨC NHÂN SỰ.....	26
1. Cơ cấu tổ chức	27
2. Tóm tắt lý lịch ban giám đốc	28
3. Thay đổi nhân sự trong năm.....	29
4. Quyền lợi Ban giám đốc	29
5. Cơ cấu lao động	29
VI THÔNG TIN CỔ ĐÔNG	32
1. Thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc.....	33
2. Cơ cấu cổ đông	39
VII BÁO CÁO TÀI CHÍNH	41

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

Tên công ty	: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
Tên tiếng Anh	: NHON TRACH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt	: NTWA
Mã chứng khoán	: NTW
Logo	: 
Địa chỉ trụ sở chính	: KCN Nhơn Trạch, đường 319B, huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai.
Số điện thoại	: 061-3560574
Fax	: 061-3560031
Tài khoản tiền gửi Việt Nam	: 102010000265922 – NH Công thương Nhơn Trạch
Vốn điều lệ	: 30.000.000.000 VND
Giấy CNĐKKD	: số 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/02/2008.
Website	: www.ntw.com.vn

I LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

1. Những sự kiện quan trọng

Tiền thân

Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch, là đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai.

1997

Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch được thành lập theo Quyết định số 03/XD.QĐ ngày 08/04/1997 của Sở xây dựng Đồng Nai và đến tháng 08/2004 UBND tỉnh Đồng Nai ra quyết định thành lập số 3536/QĐ.CT.UBT ngày 11/8/2004

2007

Tháng 9/2007, Xí nghiệp nước Nhơn Trạch chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch theo Quyết định số 3059/QĐ – UBND ngày 24/09/2007 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc “phê duyệt phương án và chuyển Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch thành Công ty cổ phần”

2008

24/01/2008 Đại hội đồng cổ đông thông qua điều lệ tổ chức hoạt động cho công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch
14/2/2008 được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498

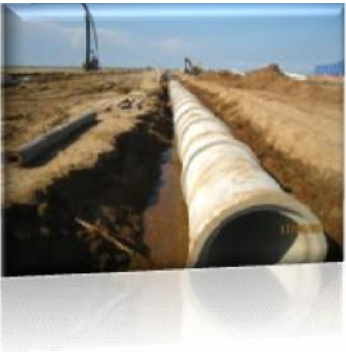
2. Quá trình phát triển

Ngành nghề kinh doanh



Khai thác và lọc nước

- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt
- Khai thác, lọc nước phục vụ công nghiệp
- Phân phối nước sạch



Xây dựng

- Xây dựng công trình đường ống cấp thoát nước
- Xây dựng trạm bơm
- Lắp đặt ống cấp nước, thoát nước, bơm nước



Dịch vụ tư vấn:

- Theo dõi, giám sát, thi công

Tình hình hoạt động:

Năm 2007, công ty chính thức chuyển đổi hình thức hoạt động sang công ty cổ phần. Mục tiêu của công ty là tối đa hóa lợi nhuận các cổ đông. Năm bắt được mục tiêu xuyên suốt đó, công ty càng nâng cao ý thức về nhiệm vụ cung cấp nước sạch cho sinh hoạt cũng như sản xuất đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, các nhà máy trên địa bàn và đảm bảo nhu cầu an sinh xã hội.

Là công ty hoạt động trong ngành cung cấp nước, một ngành đặc thù nên nhận được nhiều sự quan tâm đầu tư của Nhà nước. Bên cạnh đó là sự đoàn kết nhất trí của đội ngũ cán bộ công nhân viên đã giúp công ty vững bước đi lên trong thời kỳ công nghiệp hóa hiện đại hóa, phát huy hiệu quả của hình thức công ty cổ phần, từng bước khẳng định vai trò và thương hiệu của mình.

3. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chính:

Là công ty hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, mục tiêu của công ty không nằm ngoài việc tối đa hóa lợi nhuận cổ đông và cấp nước an sinh xã hội. Cụ thể, công ty đặt mục tiêu đảm bảo doanh thu và lợi nhuận trong năm 2012 tăng cao hơn năm 2011. Bên cạnh đó, công ty phấn đấu hoàn thành, triển khai một số dự án đầu tư như nâng cao năng suất khai thác nước, cải tạo một số mạng lưới đường ống dẫn, xây dựng hệ thống cấp nước cho các khu công nghiệp, hộ dân cư, xây dựng văn phòng làm việc. Đặc biệt, công ty sẽ tiến hành tăng vốn điều lệ, mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đáp ứng nhu cầu phát triển của khu vực và tạo bước phát triển vững chắc cho chính công ty trong tương lai

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

Để thực hiện được các mục tiêu nêu trên, trước hết công ty cần đạt được các chỉ tiêu của từng năm hoạt động. Theo đó công ty đặt ra chiến lược hoạt động như sau:

- Kiểm soát giá vốn hàng bán. Do ngành cung cấp nước là một ngành đặc thù, chi phí của công ty chủ yếu là điện năng, nguồn nước và các loại hóa chất chuyên xử lý nước, vì vậy nếu con số này được kiểm soát phù hợp sẽ tạo nhiều tích cực cho kết quả hoạt động kinh doanh.
- Tọa lạc trên địa bàn huyện Long Thành, Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai_ khu vực có tốc độ tăng trưởng nhanh chóng, để bắt kịp đà tăng trưởng của khu vực, công ty chú trọng đảm bảo uy tín và chất lượng dịch vụ cho các khách hàng hiện tại. Bên cạnh

đó, công ty cũng không ngừng quan tâm, khai thác các khách hàng tiềm năng, mở rộng địa bàn phục vụ.

- Về phía ban điều hành quản lý cũng như đội ngũ cán bộ công nhân viên của công ty luôn trau dồi kiến thức và kinh nghiệm, thực hiện tốt công tác quản trị cũng như sản xuất kinh doanh đưa công ty trở thành một thương hiệu uy tín trong khu vực.



II BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Kết quả hoạt động trong năm:

Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

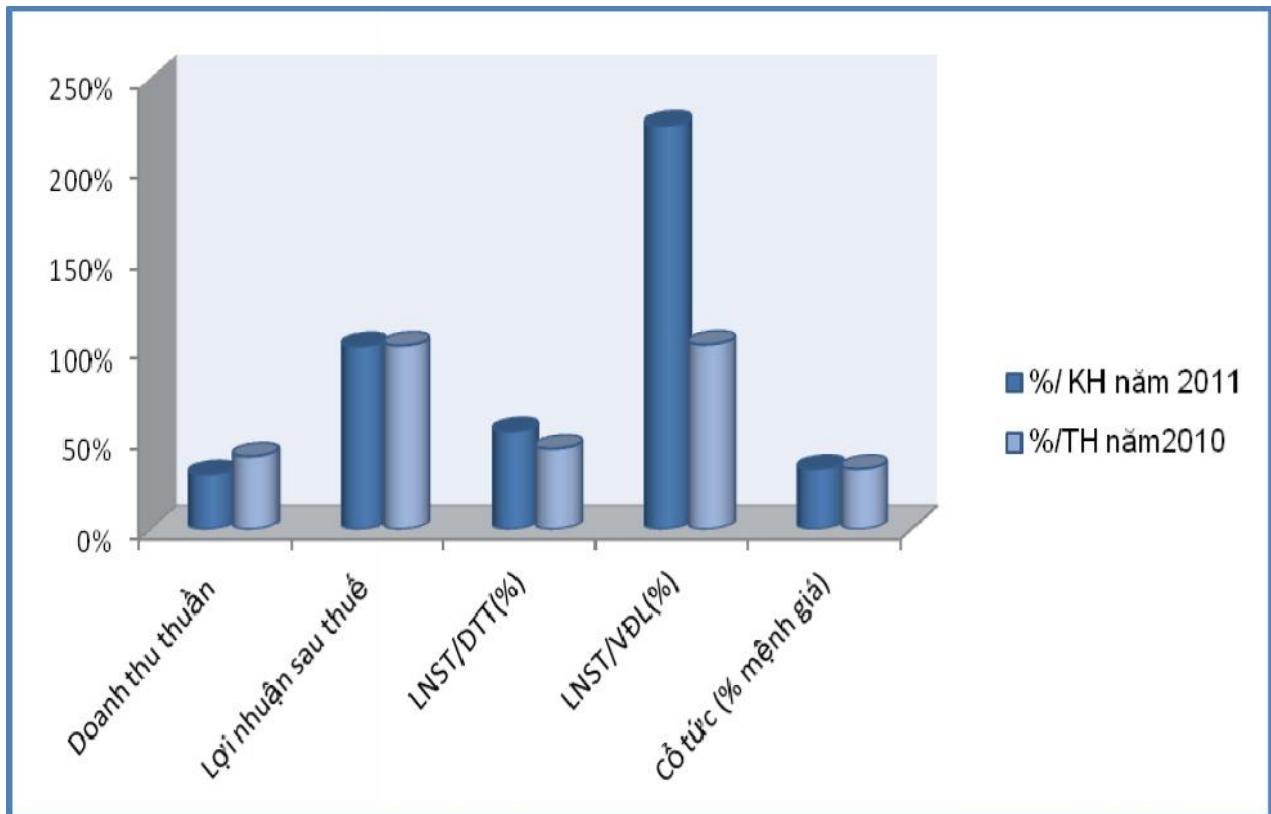
Chỉ tiêu	TH năm 2010	KH năm 2011	TH năm 2011	%/ KH năm 2011	%/TH năm 2010
Doanh thu thuần	81.645	87.548	113.895	30	40
Lợi nhuận sau thuế	13.855	14,622	27.911	101,1	101,4
LNST/DTT(%)	16,97	16,70	24,5	54,19	44,37
Vốn điều lệ dự kiến	30.000	50.000	30.000	(40)	0
LNST/VĐL(%)	46	29,24	93,04	224	102
Cổ tức (% mệnh giá)	15	15	20	33	33

Nguồn _BCTC kiểm toán năm 2011_NTWA

Năm 2011 được dự báo là một năm không có nhiều thuận lợi cho nền kinh tế Việt Nam nói chung, tuy là một ngành kinh doanh đặc thù không chịu chi phối nhiều bởi tình hình chung nhưng CTCP cấp nước Nhơn Trạch vẫn có bước dự phòng để đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2011 mà công ty đề ra doanh thu thuần của công ty là tăng so với năm 2010. Các chỉ tiêu còn lại về lợi nhuận gia tăng không đáng kể và cổ tức dự kiến vẫn là 15%. Riêng vốn điều lệ, công ty đã có kế hoạch tăng vốn điều lệ từ 30 tỷ lên 50 tỷ nhằm mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đầu tư thêm dự án mới, nhưng do tình hình kinh tế khó khăn, thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh nên Công ty chưa thực hiện.

Kết quả kinh doanh năm 2011 đã cho thấy những con số ấn tượng.

- Doanh thu thuần tăng **40%**
- Lợi nhuận sau thuế tăng **101,4%**
- Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/ doanh thu thuần tăng **44,37%**



Nhìn chung, năm 2011 là một năm kinh doanh khá thành công của công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch. Mọi chỉ tiêu kinh doanh đề ra đều được vượt kế hoạch và tăng vọt so với kết quả kinh doanh năm 2010. Điều này chứng minh cho bản lĩnh của Ban Quản trị cũng như sự đoàn kết quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên CTCP cấp nước Nhơn Trạch, đã lèo lái công ty cùng vượt qua khó khăn chung của nền kinh tế. Kết quả kinh doanh khả quan này sẽ tạo động lực cho NTW ngày càng phát triển góp phần đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng chung trong khu vực.

2. Những thay đổi chủ yếu trong năm

Năm 2011 do được sự hỗ trợ thêm từ Công Công ty TNHH Một Thành Viên Cấp nước Đồng Nai (công ty mẹ) về nguồn nước và mạng lưới chuyển tải, giúp Công ty giảm bớt áp lực cấp nước vào mùa khô. Bên cạnh đó, Nhà nước cũng đã ban hành quy định điều chỉnh tăng giá nước giúp kết quả kinh doanh của công ty đạt hiệu quả cao.

Cũng trong năm 2011 công ty đã mở rộng nâng công suất trạm bơm Đại Phước lên 2.500m³/ngày đêm, khai thác sử dụng nguồn nước ngầm tại chỗ cung cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của dân cư trên địa bàn xã Đại Phước và Phú Hữu.

Công ty cũng đã và đang mở rộng phạm vi cấp nước, tăng khách hàng tại một số tuyến cấp nước khu công nghiệp, cụm công nghiệp và một số khu dân cư có tuyến ống đi qua tại 2 huyện Long Thành và Nhơn Trạch.

3. Triển vọng và kế hoạch trong tương lai

Nằm trên địa bàn huyện Long Thành và huyện Nhơn Trạch tỉnh Đồng Nai, là địa bàn có tốc độ tăng trưởng cao đặc biệt là tỷ trọng các ngành công nghiệp. Dự báo nhu cầu sử dụng nước sạch trong sinh hoạt và sản xuất của tỉnh ngày càng gia tăng tạo thuận lợi cho quá trình phát triển của công ty.

Song song đó, công ty kết hợp triển khai mở rộng quy mô sản xuất kinh doanh, đầu tư nhiều dự án mới đảm bảo cả về chất lượng lẫn quy mô cung cấp nước cho khu vực.



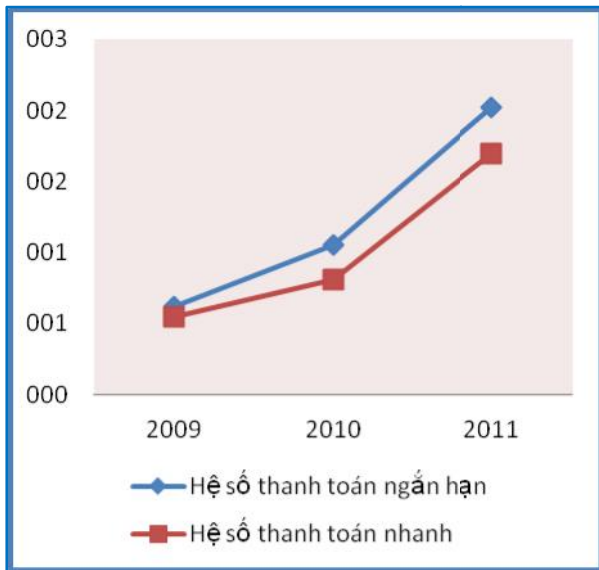
III BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC

1. Tình hình tài chính.

Các chỉ tiêu cơ bản

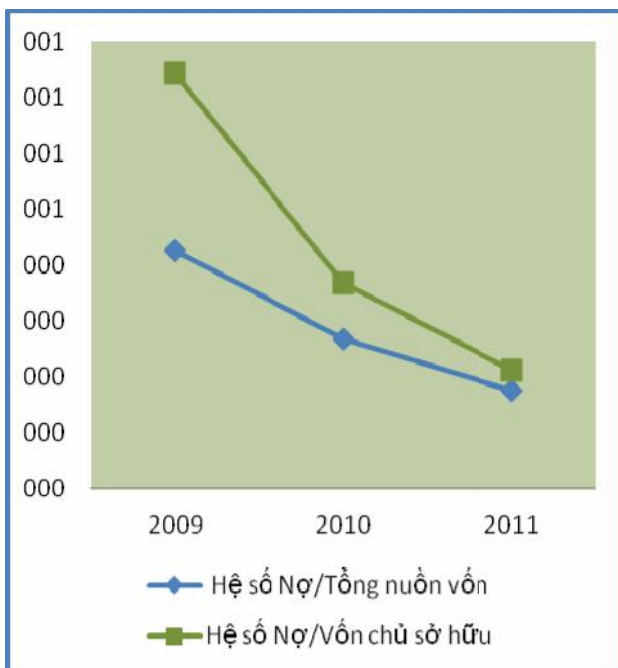
Các chỉ tiêu	Đơn vị	31/12/2009	31/12/2010	31/12/2011
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,62	1,05	2,02
- Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,55	0,81	1,70
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
- Tổng nợ/Tổng nguồn vốn	Lần	0,43	0,27	0,17
- Tổng Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,74	0,37	0,21
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
- Vòng quay hàng tồn kho	Lần	19,06	12,78	15,33
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,74	1,14	1,29
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
- LNST/Doanh thu thuần	%	16,03	16,97	24,51
- LNST/Vốn chủ sở hữu	%	20,81	26,55	38,38
- LNST/Tổng tài sản	%	11,93	19,42	31,37
- Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	19,41	22,61	32,68

Nguồn_BCTC kiểm toán năm 2009, 2010,2011_NTWA



Khả năng thanh toán:

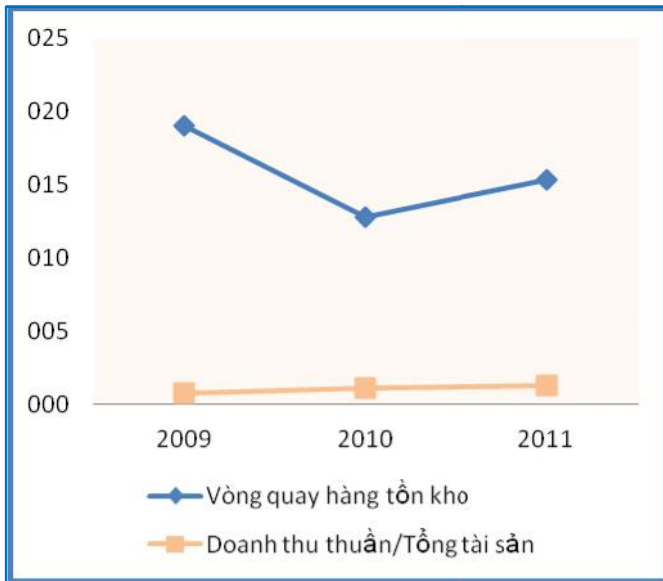
Trong 3 năm hoạt động gần nhất có thể thấy hệ số thanh toán của công ty ngày càng được cải thiện và đến năm 2011 thì các hệ số thanh toán đều lớn hơn 1 đảm bảo an toàn cho các khoản vay ngắn hạn của công ty. So với năm 2010, hệ số thanh toán ngắn hạn của công ty là 2,02 lần tăng 102%, hệ số thanh toán nhanh tăng 109% từ 0,81 lần lên 1,70 lần.



Cơ cấu vốn:

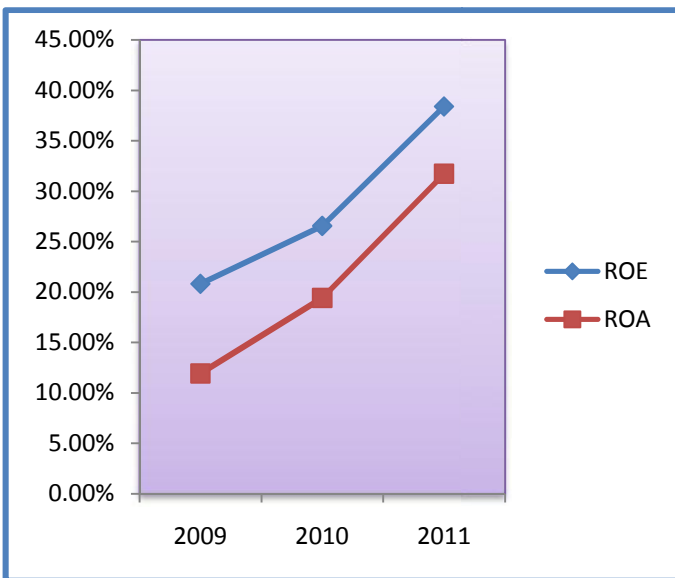
Tổng nợ trên tổng nguồn vốn và trên vốn chủ sở hữu của công ty trong 3 năm trở lại đây có xu hướng giảm, nguyên nhân chủ yếu là do các khoản nợ ngắn hạn của công ty đã sụt giảm chỉ còn 80% gì so với năm 2010. Năm 2011 công ty vẫn chưa thực hiện tăng vốn điều lệ tuy nhiên các khoản trích lập quỹ gia tăng đáng kể, đây cũng là nguyên nhân làm Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu của công ty giảm chỉ còn 0,21 lần so với 0,37 lần năm 2011. Tương tự, Hệ số nợ / tổng nguồn vốn của công ty cũng giảm từ 0,27 lần năm 2010 xuống

còn 0,17 lần năm 2011.



Năng lực hoạt động:

Công ty luôn duy trì vòng quay hàng tồn kho ở mức cao, năm 2010 là 12,78 vòng đến năm 2011 con số này đã tăng lên 15,33 vòng chứng tỏ công ty có chính sách cân đối hàng tồn kho, không để hàng tồn kho quá lâu. Chỉ tiêu doanh thu/ tổng tài sản cũng tăng đều qua các năm. Năm 2011 doanh thu thuần/ tổng tài sản công ty đạt 1,29 lần tăng 13%.



Khả năng sinh lời

Lợi nhuận sau thuế năm 2011 của công ty đã tăng gấp đôi so với năm 2010. Kết quả này góp phần làm gia tăng ROE, ROA của công ty trong năm. ROE năm 2011 của công ty đạt 38,38%, ROA đạt 31,37%. Công ty hoàn toàn không sử dụng vốn vay trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng tỷ lệ lợi nhuận đạt được rất cao chứng tỏ hiệu quả sử dụng vốn của công ty đồng thời cũng cho thấy hiệu quả của chính sách quản lý chi phí và chính sách

sử dụng tài sản của công ty.

Nhìn chung, trong năm 2011 kết quả kinh doanh của công ty rất đáng khích lệ, mọi chỉ tiêu tài chính cơ bản đều có xu hướng tăng. Công ty cần tiếp tục phát huy thế mạnh, duy trì và nâng cao kết quả tích cực này trong những năm tiếp theo

Giá trị sổ sách tính đến 31/12/2011

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2011
Vốn chủ sở hữu	Đồng	72.720.775.867
Số cổ phiếu đang lưu hành	Cổ phiếu	3.000.000
Giá trị sổ sách	Đồng/cổ phiếu	24.240

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011_NTW

Thay đổi cơ cấu vốn: không có

Số lượng cổ phiếu lưu hành:

- Số lượng: 3.000.000 cổ phiếu
- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông

Chính sách cổ tức:

Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật. Đại hội đồng cổ đông sẽ quyết định mức chi trả cổ tức cho từng năm phù hợp với quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

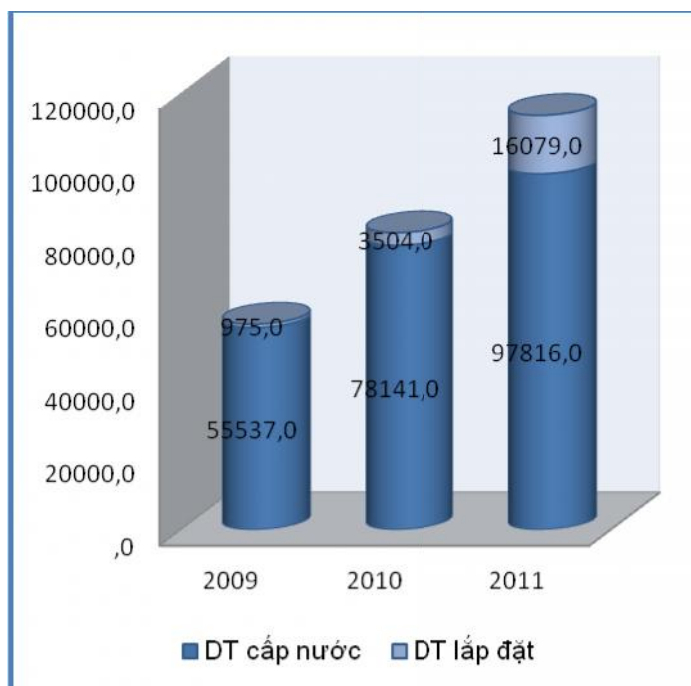
Năm 2011, công ty đã chi tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ cổ tức là 15% theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2011 số 01/2011/NQ-ĐHĐCĐ-NTWA ngày 27/04/2011.

2. Tình hình sản xuất kinh doanh:

Cơ cấu doanh thu:

Chi tiêu	Năm 2009		Năm 2010		Năm 2011	
	Doanh thu	Tỷ lệ (%)	Doanh thu	Tỷ lệ (%)	Doanh thu	Tỷ lệ (%)
Doanh thu cung cấp nước	55.537	98,27	78.141	95,71	97.816	85,88
Doanh thu lắp đặt	975	1,73	3.504	4,29	16.079	14,12
Tổng cộng	56.512	100.00	81.645	100.00	113.895	100.00

Nguồn _BCTC kiểm toán 2011_ NTW



Doanh thu hoạt động của công ty có xu hướng gia tăng qua từng năm chứng minh được hiệu quả hoạt động của công ty. Chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu của công ty là hoạt động cung cấp nước. Đối tượng khách hàng chủ yếu của công ty là các doanh nghiệp, xí nghiệp sản xuất trong khu công nghiệp, với tốc độ phát triển nhanh chóng, nhu cầu sản xuất của các công ty trong khu công nghiệp đã tạo được nguồn thu lớn và ổn định cho công ty. Cụ thể trong năm 2011 doanh thu cung cấp nước của công ty

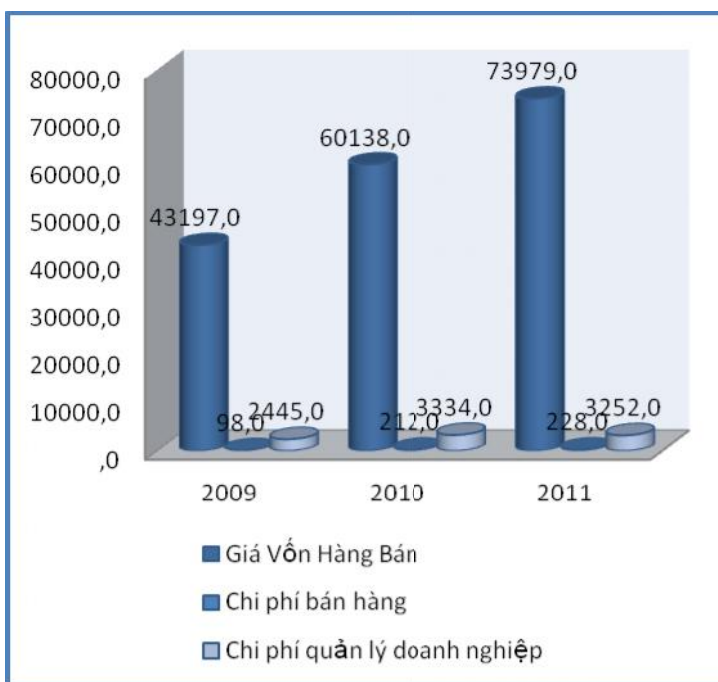
hơn 97 tỷ tăng khoản 25% so với năm 2010. Ngoài ra công ty còn thực hiện dịch vụ lắp đặt các công trình nước. Ban đầu tỷ trọng trong doanh thu của dịch vụ lắp đặt các công trình nước chiếm tỷ trọng không đáng kể nhưng đến năm 2011, con số này đã tăng lên hơn 16 tỷ chiếm 14% tổng doanh thu năm 2011.

Cơ cấu chi phí:

Chi tiêu	31/12/2009		31/12/2010		31/12/2011	
	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT	Giá trị	% DT
Giá vốn hàng bán	43.197	76,44	60.138	73,66	73.979	64,96
Chi phí bán hàng	98	0,17	212	0,26	227	0,20
Chi phí quản lý doanh nghiệp	2.445	4,33	3.334	4,08	3.252	2,86
Tổng cộng chi phí	45.740	80,94	63.684	78	77.460	68
Doanh thu thuần	56.512	-	81.645	-	113.879	-

Nguồn_ BCTC kiểm toán năm 2011_NTWA

Là một ngành sản xuất đặc thù nên phần lớn chi phí của công ty là giá vốn hàng bán. Qua 3 năm hoạt động, chi phí này gia tăng liên tục do nhiều tác động khác nhau. Hệ thống phân phối nước của công ty toàn bộ là đường ống dẫn nước nên chi phí bán hàng của công ty gần như không đáng kể. So với doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2011 thì chi phí bán hàng năm 2011 chỉ còn 0,2%/DTT thuần so với 0,26%/DTT năm 2010. Tương tự, chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty cũng giảm nhẹ so với năm 2010 từ 3,334 triệu còn 3,252 triệu. Tuy tỷ lệ giảm không nhiều nhưng vẫn là con số minh chứng cho hiệu quả quản lý của ban quản trị.



3. Những tiến bộ đạt được:

Về sản xuất kinh doanh:

Năm 2011, ngoài việc sản xuất và cung cấp nước cho các kho Công Nghiệp, khu dân cư trên địa bàn huyện Nhơn Trạch, Công ty còn nhận được sự hỗ trợ của công ty mẹ, về nguồn nước cũng như mạng lưới chuyển tải, công ty đã đạt được kết quả kinh doanh rất cao. Doanh thu và lợi nhuận sau thuế của công ty tăng cao so với năm 2010. Công tác quản lý chi phí cũng được thực hiện tốt, ngoài nguồn chi phí giá vốn hàng bán là chi phí chủ yếu các chi phí còn lại đều được cắt giảm, thực thi chính sách tiết kiệm.

Về hệ thống quản lý:

Ban điều hành Công ty đã có những giải pháp hợp lý, triển khai kịp thời công tác điều hành hoạt động của Công ty, từ đó giúp Công ty hoàn thành được những kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

Về phân phối:

Khách hàng của Công ty đa số là khách hàng lớn và các hộ dân cư. Năm tập trung trong các khu công nghiệp, các thị trấn, thị tứ nên thuận lợi trong công tác quản lý và ghi thu. Mạng lưới cấp nước do Công ty Quản lý ít, tỷ lệ thất thoát nước thấp, hiệu quả kinh tế cao.

Về đầu tư:

Công ty tiếp tục mở rộng, thực hiện các dự án đầu tư mới, nâng cấp công suất các trạm bơm nhằm mở rộng mạng lưới phân phối.

4. Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012:

Căn cứ những thuận lợi và khó khăn của tình hình kinh tế và mục tiêu, định hướng phát triển chiến lược của NTW đối với các đối tượng khách hàng, tiềm năng phát triển thị trường của ngành, của khu vực kế hoạch doanh thu của công ty trong năm 2012 như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	TH năm 2011	KH năm 2012
Vốn điều lệ	1.000 đ	30,000,000	50,000,000
Tổng Doanh thu	1.000 đ	114,690,250	124,236,383
Tổng chi phí	1.000 đ	77,460,015	86,965,468
LN trước thuế	1.000 đ	37,214,701	37,270,915
Thuế TNDN	1.000 đ	9,303,600	11,379,973
LN sau thuế	1.000 đ	27,910,772	27,953,186
Tỉ suất LNST/VĐL	1.000 đ	93.03	55.91
Tỷ lệ chia cổ tức	1.000 đ	20%	20%

Nguồn_NTWA

Căn cứ hoàn thành kế hoạch:

Công ty thực hiện sản xuất khai thác nguồn nước ngầm là chính để cung cấp nước cho các khu công nghiệp, khu dân cư huyện Nhơn Trạch và mua nước qua ĐH tổng D500 để cung cấp cho khách hàng khu vực huyện Long Thành. Công ty còn nhận được sự hỗ trợ của công ty mẹ (Công ty TNHH MTV Cấp nước Đồng Nai), sự quan tâm của các cơ quan nhà nước chính quyền sở tại đã giúp NTW giảm nhiều áp lực trong việc đảm bảo lượng nước cung cấp cho sản xuất và sinh hoạt vào mùa khô. Với những thuận lợi trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, công ty luôn đảm bảo nguồn nước cho tất cả các khách hàng trong khu vực đặt biệt là các công ty sản xuất trong khu công nghiệp Long Thành và Nhơn Trạch, đồng thời cũng đáp ứng tốt nhu cầu an sinh xã hội.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng nước sạch của tất cả các đối tượng khách hàng hiện tại công ty đang mở rộng, nâng công suất nhà máy nước ngầm Nhơn Trạch lên 20.000 m³/ngày đêm và nâng công suất trạm bơm Đại Phước lên 2.500m³/ ngày đêm, khai thác sử dụng nguồn nước ngầm tại chỗ cung cấp nước ổn định cho sản xuất, sinh hoạt của các khu công nghiệp Long Thành, Nhơn Trạch và các dân cư trên địa bàn xã Đại Phước và Phú Hữu huyện Nhơn Trạch.

Công ty cũng đã và đang mở rộng phạm vi cấp nước, tăng khách hàng tại một số tuyến cấp nước trong khu công nghiệp, cụm công nghiệp và một số khu dân cư có tuyến ống đi qua tại 2 huyện Long Thành và Nhơn Trạch.

Với tốc độ phát triển của khu vực như hiện nay các dự án cũng như công trình mới sẽ được đầu tư và xây dựng, dự báo một lượng lớn nhu cầu về nguồn nước sạch, đây là những khách hàng tiềm năng giúp công ty mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012 cũng như những năm sắp tới.

Kế hoạch về nhân lực:

Thông qua các chính sách quản lý nguồn nhân lực phù hợp nhất để xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên có đủ trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đáp ứng được yêu cầu, đòi hỏi trong công việc, có khả năng nắm bắt được các thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ mới và áp dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả tối đa.

Công tác đầu tư:

Trong thời gian sắp tới, Công ty dự kiến triển khai thực hiện một số dự án cụ thể như:

- Cải tạo nâng công suất trạm bơm Đại Phước lên 2.500m³/ngày đêm, xây dựng trạm xử lý và Cải tạo lại hệ thống mạng lưới đường ống phục vụ cho dân cư dọc tuyến đường 25A và các vùng lân cận .
- Nâng công suất nhà máy nước ngầm Nhơn Trạch lên 20.000 m³/ngày đêm
- Đầu tư xây dựng văn phòng làm việc công ty 3 tầng với quy mô 5 tầng
- Lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước công suất 2.800 m³/ngày đêm cung cấp nước cho Khu công nghiệp Ông Kèo xã Phước Khánh và khu dân cư xã Vĩnh Thanh huyện Nhơn Trạch.
- Lập dự án đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước cho Khu công nghiệp Lộc An - Bình Sơn, Cụm công nghiệp Tam An và các khu dân cư trên địa bàn huyện Long Thành và Nhơn Trạch.

Chuyển nhượng tài sản cố định từ Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai (mua lại từ Công ty mẹ) gồm:

- Hệ thống cấp nước khu trung tâm 71ha – huyện Nhơn Trạch
- Hệ thống cấp nước thị trấn Long Thành
- Hệ thống cấp nước sân Golf Long Thành
- Hệ thống cấp nước đến Khu công nghiệp Tam Phước
- Tuyến ống truyền tải D400 và trạm bơm tăng áp Long Thành – Nhơn Trạch



IV CÁC CÔNG TY CÓ LIÊN QUAN

Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần của tổ chức phát hành

Tên công ty : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI

Địa chỉ : 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Điện thoại : (061) 3.843.316

Giấy CNĐKKD : Số 4704000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/4/2004

Vốn điều lệ : 400.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu tại NTWA : 52,44% vốn điều lệ, tương ứng 1.573.121 cổ phần

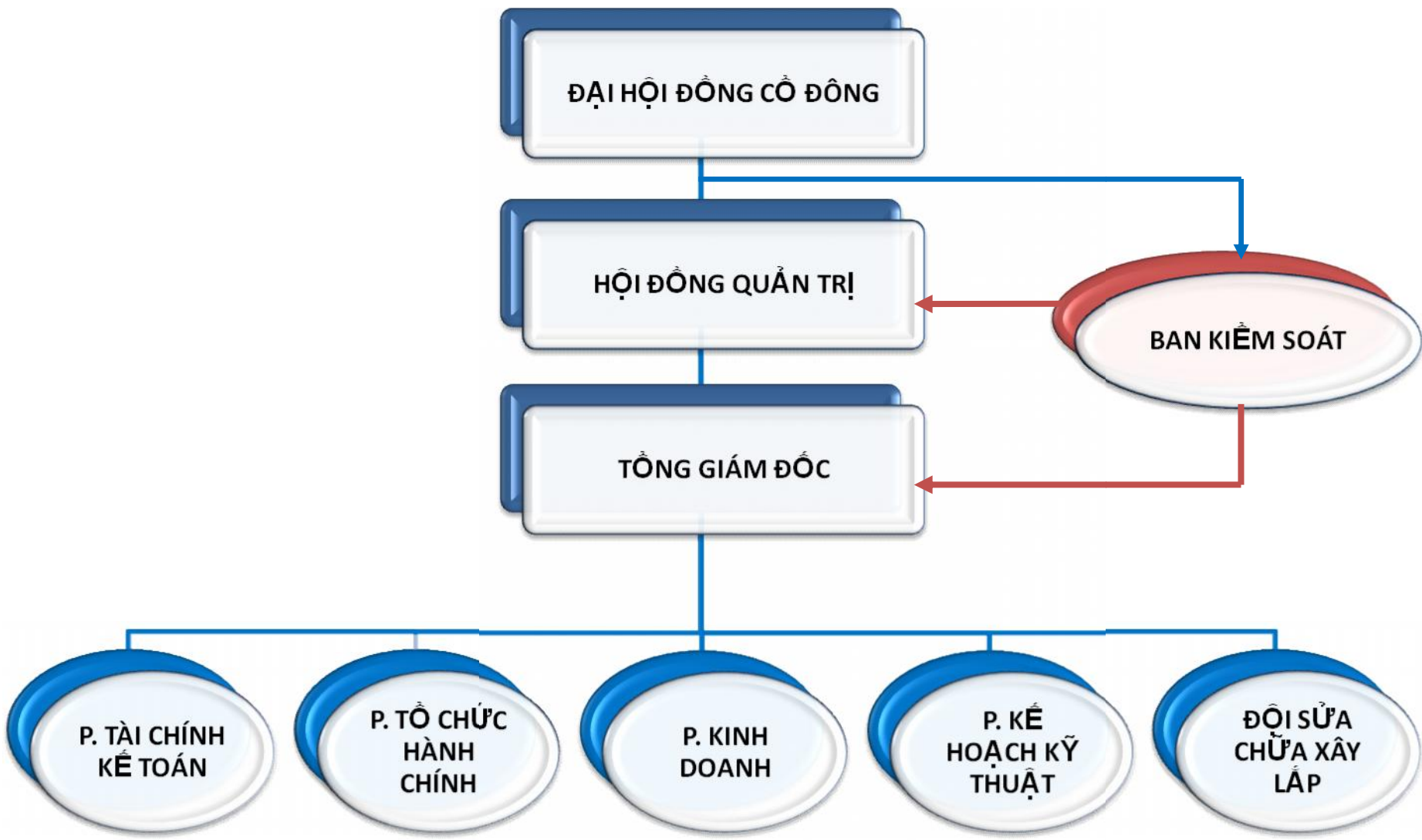
Công ty có trên 50% vốn cổ phần do tổ chức phát hành nắm giữ:
không có

Các công ty khác có liên quan: không có.



V TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Cơ cấu tổ chức:



2. Tóm tắt lý lịch ban điều hành:

BAN GIÁM ĐỐC

Họ và tên	Chức vụ
Nguyễn Anh Tuấn	Giám đốc
Võ Quang Hồng	Phó Giám đốc
Trần Văn Thùy	Kế toán trưởng

Ông: Nguyễn Anh Tuấn

Chức vụ: giám đốc
 Năm sinh: 05/05/1967
 CMND/Hộ chiếu: 271599468
 ngày cấp: 08/06/2011, Đồng Nai
 Trình độ: Cử nhân kinh tế , Kỹ sư Cấp thoát nước.

Quá trình công tác:

- 1986 đến năm 1988: Công ty Xây dựng Lọc Hóa Dầu Long Thành – Đồng Nai
- 1988 đến năm 1989: Công ty Dừa Long Thành – Đồng Nai
- 1989 đến năm 1997: Công ty Khoan Cấp Nước Đồng Nai
- 1997 đến hiện nay : Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch , Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch
- Số cổ phần nắm giữ: 342.000 cổ phiếu
 - ✓ Cá nhân nắm giữ: 12.000 cổ phần chiếm 0,4% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện nắm giữ : 330.000 cổ phần chiếm 11% vốn điều lệ (Công ty TNHH MTV Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai)

Ông: Võ Quang Hồng

Chức vụ: Phó Giám Đốc
Năm sinh: 19/07/1958
CMND/Hộ chiếu: 270651047
ngày cấp: 07/09/2006, Đồng Nai
Trình độ: Kỹ sư cấp thoát nước

Quá trình công tác:

- 1978 đến năm 2002: Xí Nghiệp nước Long Khánh – Đồng Nai
- 2002 đến hiện nay : Xí nghiệp Nước Nhơn Trạch , Công ty Cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch
- Số cổ phần nắm giữ : 62.800 cổ phần
 - ✓ Cá nhân nắm giữ :2.800 cổ phần chiếm 0,093% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện nắm giữ : 6.000 cổ phần chiếm 2% vốn điều lệ (Công Đoàn)

Ông: Trần Văn Thùy

Chức vụ: Kế toán trưởng
Năm sinh: 08/08/1979
CMND/Hộ chiếu: 272506332
ngày cấp: 01/03/2012, Đồng Nai
Trình độ: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác:

- Từ 2001 đến nay: Liên tục làm việc tại Xí nghiệp nước Nhơn Trạch nay là Công ty Cổ phần Cấp nước Nhơn Trạch.
- Số cổ phần nắm giữ :500 cổ phần
 - ✓ Cá nhân nắm giữ :500 cổ phần chiếm 0,02% vốn điều lệ
 - ✓ Đại diện nắm giữ : 0 cổ phần chiếm 0% vốn điều lệ

3. Tình hình thay đổi nhân sự trong năm: không có

4. Quyền lợi ban giám đốc:

Tiền lương thưởng và các quyền lợi khác của ban giám đốc theo quy định lương, thưởng của công ty, thỏa ước lao động tập thể và các quyết định của HĐQT.

5. Cơ cấu lao động:

Hiện nay, Công ty có tổng cộng 65 người lao động. Cơ cấu người lao động phân chia theo trình độ học vấn như sau:

Cơ cấu lao động.

Phân loại theo trình độ lao động

Chỉ tiêu	Số người	Tỷ lệ
Đại học	14	21,5%
Cao đẳng	10	15,4%
CNKT, nghề	32	49,3%
Khác	9	13,8%
Cộng	65	100%

Nguồn: NTWA

Phân loại theo phân công lao động:

Chỉ tiêu	Số người	Tỷ lệ
Ban giám đốc	2	3,1%
Bộ phận Văn phòng	16	24,6%
Bộ phận Sản xuất	38	58,5%
Bộ phận khác	9	13,8%
Cộng	65	100%

Nguồn: NTWA

Chế độ làm việc

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về lao động như: chế độ làm việc 8 giờ/ngày và chế độ nghỉ ngơi hợp lý. Thời gian nghỉ phép, lễ tết, ốm, thai sản tuân thủ theo đúng quy định của Luật lao động.

Tuyển dụng

Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, cán bộ quản lý phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành, nhiệt tình, yêu thích công việc, chủ động trong công việc, có ý tưởng sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích và trình độ ngoại ngữ, tin học

Công tác đào tạo

Công ty luôn duy trì chính sách đào tạo hằng năm nhằm nâng cao trình độ đội ngũ lao động toàn công ty. Cụ thể, Công ty thường xuyên tổ chức đào tạo tay nghề cho công nhân nhằm nâng bậc tay nghề. Các cán bộ quản lý được Công ty hỗ trợ tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn chuyên ngành,... Công ty cũng khuyến khích cán bộ nhân viên tự đào tạo, trau dồi trình độ chuyên môn.

Chính sách lương:

Công ty xây dựng chính sách lương riêng phù hợp với đặc trưng ngành nghề hoạt động và bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước, phù hợp với trình độ, năng lực và công việc của từng người.

Chính sách thưởng:

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ công nhân viên trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, Công ty có chính sách thưởng định kỳ, thưởng đột xuất cho cá nhân và tập thể. Công ty cũng tổ chức các chuyến du lịch nghỉ dưỡng cho nhân viên và có chế độ thưởng tương xứng thành quả lao động đạt được.

Bảo hiểm và phúc lợi:

Việc trích nộp bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được Công ty trích nộp đúng theo quy định của pháp luật.

**VI THÔNG TIN CỔ ĐÔNG VÀ QUẢN TRỊ
CÔNG TY**

1. Thành viên HĐQT, BKS:

Họ và tên	Chức vụ
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Nguyễn Xuân Thịnh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Anh Tuấn	Phó chủ tịch Hội đồng quản trị
Nguyễn Cao Hà	Thành viên Hội đồng quản trị
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên Hội đồng quản trị
Nguyễn Chí Quốc	Thành viên Hội đồng quản trị
BAN KIỂM SOÁT	
Nguyễn Tấn Dũng	Trưởng Ban kiểm soát
Phùng Thị Thu Giang	Thành viên Ban kiểm soát
Nguyễn Thi Phương Lan	Thành viên Ban kiểm soát

Nguồn: NTWA

Báo cáo ban quản trị

Trong năm, HĐQT đã ban hành 11 Nghị quyết có liên quan đến công tác sản xuất kinh doanh, trả cổ tức,...mà đại hội cổ đông năm 2011 đã phê duyệt. Các nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ công ty.

STT	Số Quyết định	Ngày phát hành	Nội dung
1	01/2011/NQ-HĐQT-NTWA	17/01/2011	Chấp thuận chủ trương bổ sung nguồn nước ngầm tại Nhà máy nước Nhơn Trạch.
2	02/2011/NQ-HĐQT-NTWA	11/4/2011	Phê duyệt nội dung chương trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2011
3	03/2011/NQ-HĐQT-NTWA	29/4/2011	Tiếp nhận bàn giao tài sản HTCN thị trấn Long Thành.
4	04/2011/NQ-HĐQT-NTWA	22/6/2011	Áp dụng giá cung cấp nước máy, kỳ hóa đơn 7/2011. (Theo Quyết định số: 39/2011/QĐ-UBND ngày 20/6/2011)
5	05/2011/NQ-HĐQT-NTWA	1/8/2011	Phê duyệt quyết toán sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2010.
6	06/2011/NQ-HĐQT-NTWA	1/8/2011	Phê duyệt kế hoạch sử dụng Quỹ phúc lợi năm 2011.
7	07/2011/NQ-HĐQT-NTWA	23/9/2011	Phê duyệt bổ sung kế hoạch sử dụng quỹ phúc lợi năm 2011, vào mục đích ủng hộ Đài tưởng niệm các liệt sĩ 113 và Ban liên lạc cựu tù chính trị tỉnh Đồng Nai.
8	08/2011/NQ-HĐQT-NTWA	26/10/2011	Cử cán bộ tham gia Đoàn đi Hàn Quốc để tham quan học tập theo giấy mời

của Hội cấp thoát nước và danh sách do Công ty mẹ đề nghị.

9	09/2011/NQ-HĐQT-NTWA	26/10/2011	Chi trả tạm ứng cổ tức năm 2011.
10	10/2011/NQ-HĐQT-NTWA	12/12/2011	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu ra công chúng.
11	11/2011/NQ-HĐQT-NTWA	12/12/2011	Thông qua hồ sơ phát hành cổ phiếu ra công chúng.

Nguồn_NTWA

Báo cáo ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát:

BSK đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, điều lệ và các quy định của công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011, trong việc quản trị, điều hành toàn bộ hoạt động của công ty, cụ thể như sau:

Xem xét tính phù hợp của các quyết định của Hội đồng quản trị và Ban tổng giám đốc trong việc quản lý, điều hành, hoạt động sản xuất kinh doanh, tổ chức công tác kế toán tài chính, trình tự và thủ tục ban hành các thủ tục, văn bản của công ty.

Kiểm tra tính tuân thủ các quy định về nguyên tắc, quy trình nghiệp vụ, của toàn bộ cũng như của từng khâu công việc, của từng biện pháp trong hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm phát hiện những thiếu sót hoặc rủi ro tiềm tàng, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp.

Xem xét các báo cáo tài chính định kỳ, kiểm tra các báo cáo tài chính quý, bán niên và cả năm trên cơ sở chứng từ gốc và chứng từ kế toán, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của chứng từ nhằm đảm bảo tính trung thực hợp lý của các số liệu trình bày trên báo cáo tài chính và báo cáo quản trị

Tham gia vào các cuộc họp của HĐQT, kiểm tra việc triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đối với HĐQT và Ban giám đốc.

Kết quả giám sát hoạt động

HĐQT, Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình trong việc thực thi các nhiệm vụ được giao theo đúng quy định, cũng như việc kết hợp chặt chẽ với BKS trong công tác giám sát hoạt động của công ty. Các Nghị quyết, các quyết định của Hội đồng quản trị đều tập trung vào việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 như xem xét, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh hàng quý, 6 tháng và cả năm đồng thời đưa ra kế hoạch cho các quý tiếp theo....

Về công tác điều hành, các Quyết định của Ban giám đốc đều được ban hành hợp lệ, đúng thẩm quyền và kịp thời, thực hiện đúng chủ trương và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính:

BKS đã tiến hành kiểm tra thẩm định BCTC quý, 6 tháng và cả năm của công ty trong năm tài chính 2011 và thống nhất như sau:

BCTC năm 2011 của công ty đã được lập kịp thời và đầy đủ theo đúng quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và các quy định hiện hành về hệ thống kế toán Việt Nam.

Các số liệu trên BCTC của công ty năm 2011 đã được thể hiện rõ ràng trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình kinh doanh năm 2011, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ của công ty năm 2011 đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán DTL.

Kết quả giám sát đối với thành viên hội đồng quản trị, thành viên ban Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý

Đối với Hội đồng quản trị:

HĐQT gồm 5 thành viên, trong năm 2011 đã hoạt động tích cực với tinh thần trách nhiệm cao, đưa ra các quyết định kịp thời, hợp lý tạo điều kiện cho Ban điều hành thực hiện tốt nhiệm vụ.

Các thành viên trong HĐQT thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được giao, thường xuyên kiểm tra, bám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của HĐQT, đảm bảo đúng vai trò định hướng, đưa ra các chính sách chủ trương của công ty, các thành viên HĐQT có năng lực, đạo đức tốt, luôn trung thành với lợi ích của công ty.

Đối với Ban điều hành

Các thành viên Ban tổng giám đốc và các cán bộ quản lý điều hành là những người có năng lực và đạo đức trong công việc, thực hiện tốt các Nghị Quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, HĐQT, sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực về vốn, tài sản, lao động, phục vụ tích cực các mục tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ đối với nhà nước và các chế độ chính sách cho người lao động

Công tác kế toán: trong năm 2011, các quy định về công tác hạch toán kế toán, các thay đổi về chính sách kê khai, ưu đãi, miễn giảm thuế,.. đã được đơn vị ghi nhận và phản ánh đầy đủ, đúng quy định. Số liệu thể hiện trên BCTC phản ánh toàn bộ giá trị tài sản hiện có của đơn vị theo cơ cấu của tài sản, nguồn vốn và cơ cấu nguồn vốn hình thành các tài sản đó đã được thể hiện chính xác, trung thực và hợp lý đã được thông qua bởi công ty kiểm toán DTL.

Báo cáo đánh giá về sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Ban Tổng giám đốc và cổ đông

Năm 2011 BKS đã được cung cấp đầy đủ và kịp thời các Nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban tổng giám đốc công ty

Thù lao HĐQT, BKS, Ban Giám Đốc

Đvt : đồng

Nội dung chi tiết	Năm 2010	Năm 2011
Hội đồng quản trị	138,000,000	165,000,000
Nguyễn Xuân Thịnh	36,000,000	45,000,000
Nguyễn Anh Tuấn	30,000,000	34,500,000
Nguyễn Cao Hà	24,000,000	28,500,000
Nguyễn Thanh Bình	24,000,000	28,500,000
Nguyễn Chí Quốc	24,000,000	28,500,000
Ban kiểm soát	48,000,000	57,900,000
Nguyễn Tấn Dũng	24,000,000	28,500,000
Phùng Thị Thu Giang	12,000,000	14,700,000
Nguyễn Thi Phương Lan	12,000,000	14,700,000
Ban Giám Đốc	540,330,000	660,074,400
Nguyễn Anh Tuấn	303,185,000	359,155,000
Võ Quang Hồng	237,145,000	300,919,400

Nguồn_NTWA

Tỷ lệ nắm giữ cổ phần của HĐQT

Họ Tên	Chức vụ	Cổ phần
		sở hữu (31/12/2011)
Nguyễn Xuân Thịnh	Chủ tịch HĐQT	643,131
Nguyễn Anh Tuấn	Thành viên	342,000
Nguyễn Cao Hà	Thành viên	301,800
Nguyễn Thanh Bình	Thành viên	114,740
Nguyễn Chí Quốc	Thành viên	44,100

Nguồn_NTWA

Thông tin về giao dịch cổ phiếu của HĐQT trong năm: không có

2. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông góp vốn nhà nước

Tên công ty	: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN XÂY DỰNG CẤP NƯỚC ĐỒNG NAI
Địa chỉ	: 48 Cách Mạng Tháng Tám, phường Quyết Thắng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Điện thoại	: (061) 3.843.316
Giấy CNĐKKD	: Số 4704000005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp ngày 07/4/2004
Vốn điều lệ	: 270.000.000.000 đồng
Tỷ lệ sở hữu tại NTW	: 52,44% vốn điều lệ, tương ứng 1.573.121 cổ phần

Nguồn_NTWA

Cổ đông sáng lập

Cổ đông	Số CMND hoặc CNĐKKD	Số cổ phần sở hữu	% VĐL
➤ Công ty TNHH Một Thành viên Xây dựng và Cấp nước Đồng Nai	4704000005	1.573.121	52,44
Đại diện:			
• Ông Nguyễn Xuân Thịnh		643.131	21,43
• Ông Nguyễn Anh Tuấn		342.000	11,40
• Ông Nguyễn Cao Hà		301.800	10,06
• Ông Nguyễn Tấn Dũng		300.000	10
➤ Vốn Nhà đầu tư chiến lược		294.000	9,8
➤ Công Đoàn			
• Đại diện: Ông Võ Quang Hồng		60.000	2
➤ Vốn người lao động		35.900	1,19
➤ Cổ đông bên ngoài		1.036.979	34,57
Tổng cộng		3.000.000	100

Nguồn_NTWA

Cổ đông nước ngoài

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn về tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của công ty đối với người nước ngoài.

Căn cứ theo quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ thì nhà đầu tư nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.

Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của nhà đầu tư nước ngoài trên vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm ngày 31/05/2011 là 0%.



VII BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2011:

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.692.003.214	20.104.715.981
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.221.996.911	4.882.308.552
1. Tiền	111		12.221.996.911	2.096.425.118
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.785.883.434
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130	5.2	13.584.435.690	10.385.285.547
1. Phải thu khách hàng	131		13.157.023.280	9.494.251.684
2. Trả trước cho người bán	132		336.500.000	718.036.100
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo biên độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		90.912.410	172.997.763
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	5.3	4.826.620.613	4.706.246.882
1. Hàng tồn kho	141		4.826.620.613	4.706.246.882
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		58.950.000	130.875.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		58.950.000	130.875.000

(Phần tiếp theo trang 05)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

TÀI SẢN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		57.335.610.865	51.251.005.452
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		57.335.610.865	51.251.005.452
1. TSCĐ hữu hình	221	5.4	56.907.950.036	50.028.511.087
+ Nguyên giá	222		105.713.482.624	89.497.793.706
+ Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.805.532.588)	(39.469.282.619)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
+ Nguyên giá	225		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. TSCĐ vô hình	227	5.5	8.500.000	17.416.667
+ Nguyên giá	228		36.500.000	36.500.000
+ Giá trị hao mòn lũy kế	229		(28.000.000)	(19.083.333)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		419.160.829	1.205.077.698
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
+ Nguyên giá	241		-	-
+ Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		-	-
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		88.027.614.079	71.355.721.433

(Phần tiếp theo trang 06)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

NGUỒN VỐN	Mã số	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		15.306.838.212	19.160.182.475
I. Nợ ngắn hạn	310		15.210.999.116	19.108.261.936
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312	5.6	513.115.590	8.679.509.651
3. Người mua trả tiền trước	313	5.6	182.154.165	1.443.674.805
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.7	6.301.535.510	2.529.486.962
5. Phải trả người lao động	315	5.8	5.043.560.315	4.681.343.040
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		888.664.579	578.368.786
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	5.9	2.281.968.957	1.195.878.692
II. Nợ dài hạn	330		95.839.096	51.920.539
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		95.839.096	51.920.539
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		72.720.775.867	52.195.538.958
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.10	72.720.775.867	52.195.538.958
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.043.138.411	5.043.138.411
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		12.832.594.303	5.555.538.176
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.434.270.245	741.502.245
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		23.410.772.908	10.855.360.128
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		88.027.614.079	71.355.721.433

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Th. minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN THỦY

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2012



NGUYỄN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	113.894.520.128	81.644.666.816
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.1	15.533.125	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	6.1	113.878.987.003	81.644.666.816
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	73.979.329.264	60.137.787.575
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.899.657.739	21.506.879.241
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	785.548.219	497.559.446
7. Chi phí tài chính	22		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		227.509.719	211.620.464
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	6.4	3.252.182.089	3.333.779.360
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		37.205.534.150	18.459.038.863
11. Thu nhập khác	31		10.181.982	14.774.639
12. Chi phí khác	32		1.014.191	-
13. Lợi nhuận khác	40		9.167.791	14.774.639
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		37.214.701.941	18.473.813.502
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	9.303.929.033	4.618.453.376
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		27.910.772.908	13.855.360.126
18. Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phần	70	5.10.4	9.304	4.618

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN THÙY

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2012

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG SXKD				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		37.214.701.941	18.473.813.502
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao tài sản cố định	02		9.345.166.636	9.181.101.940
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(785.548.219)	(497.559.446)
Chi phí lãi vay	06		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		45.774.320.358	27.157.355.996
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.199.150.143)	(505.640.498)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(120.373.731)	(2.439.535.330)
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(7.620.484.374)	(14.159.841.950)
Tăng giảm chi phí trả trước	12		-	-
Tiền lãi vay đã trả	13		-	-
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.880.443.228)	(4.708.495.557)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		71.925.000	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(276.645.735)	(163.553.850)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động sản xuất, kinh doanh	20		28.749.148.147	5.180.288.811
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(16.219.325.282)	(4.483.603.821)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		785.548.219	497.559.446
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(15.433.777.063)	(3.986.044.375)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam ngoại trừ có ghi chú khác

CHỈ TIÊU	Mã số	Th. minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(5.975.682.725)	(4.008.394.200)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(5.975.682.725)	(4.008.394.200)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50		7.339.688.359	(2.814.149.764)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		4.882.308.552	7.696.458.316
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70		12.221.996.911	4.882.308.552

KẾ TOÁN TRƯỞNG



TRẦN VĂN THỦY

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2012

GIÁM ĐỐC



NGUYỄN ANH TUẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Bản thuyết minh này một bộ phận không thể tách rời và được đọc cùng với bản báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Cấp nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là Công ty) được chuyển đổi từ Xi nghiệp nước Nhơn Trạch thuộc Công ty TNHH một thành viên Xây dựng Cấp nước Đồng Nai. Công ty được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4703000498 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 14/02/2008 và thay đổi gần đây nhất là vào ngày 10/11/2008.

Trụ sở và nhà máy được đặt tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, đường 319B, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 30.000.000.000 đồng.

1.2. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Khai thác, lọc nước phục vụ sinh hoạt, công nghiệp.
- Phân phối nước sạch.
- Xây dựng đường ống cấp thoát nước, trạm bơm.
- Lắp đặt ống cấp thoát nước, bơm nước.
- Theo dõi, giám sát lắp đặt thiết bị công trình, xây dựng và hoàn thiện công trình cấp nước.

2. Năm tài chính, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

2.1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ 01/01 đến 31/12.

2.2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam.

3.2. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán là Nhật ký chung.

3.3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty tuân thủ Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011.

4. Các chính sách kế toán áp dụng

4.1. Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền đang chuyển và các khoản kỳ gởi không kỳ hạn. Tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.2. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho

- Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất được trừ (-) khỏi chi phí mua.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối năm tài chính

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

4.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện giá trị có thể thực hiện được theo dự kiến.

4.4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận nguyên giá tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

- Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 06 năm
+ Máy móc thiết bị	05 – 07 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05 năm
+ Tài sản cố định vô hình	03 năm

4.5. Ghi nhận chi phí phải trả và dự phòng phải trả

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, Công ty và các nhân viên phải đóng góp vào quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

4.6. Nguồn vốn chủ sở hữu

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.
- Ghi nhận cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

- Nguyên tắc trích lập các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế.

Lợi nhuận sau thuế của năm 2010 sẽ được phân phối và trích lập các quỹ trong năm 2011 như sau:

+ Quỹ chia cổ tức là 15% trên vốn điều lệ của Công ty tương đương 4,5 tỷ đồng và chia cổ tức bằng tiền 1.500 đồng/Cổ phiếu.

+ Trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi là 10% lợi nhuận sau thuế.

+ Trích quỹ dự phòng tài chính là 5% lợi nhuận sau thuế

+ Trích quỹ đầu tư phát triển là giá trị còn lại sau khi trừ đi các quỹ

Tỷ lệ trích các quỹ theo Nghị Quyết hàng năm do Hội đồng quản trị phê duyệt.

4.7. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.
- Doanh thu về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó.

4.8. Thuế thu nhập doanh nghiệp

- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.
- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với mức thuế suất bằng 25% thu nhập chịu thuế hàng năm.
- Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.9. Công cụ tài chính

- Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác.

- Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10. Vốn chủ sở hữu

5.10.1. Biến động của Vốn chủ sở hữu

	ĐVT: ngàn đồng					
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	30.000.000	5.043.139	1.455.878	288.581	6.744.794	43.532.392
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	13.855.360	13.855.360
Chia cổ tức	-	-	-	-	(4.286.371)	(4.286.371)
Trích lập quỹ	-	-	4.099.660	452.921	(5.458.424)	(905.843)
Số dư đầu năm nay	30.000.000	5.043.139	5.555.538	741.502	10.855.360	52.195.539
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27.910.773	27.910.773
Chia cổ tức	-	-	-	-	(6.000.000)	(6.000.000)
Trích lập quỹ	-	-	7.277.056	692.768	(9.355.360)	(1.385.536)
Số dư cuối năm nay	30.000.000	5.043.139	12.832.594	1.434.270	23.410.773	72.720.776

5.10.2. Chi tiết vốn đầu tư chủ sở hữu

	Cuối năm	Đầu năm
Công ty TNHH MTV Xây dựng Cấp nước Đồng Nai	15.731.210.000	15.731.210.000
Nhà đầu tư chiến lược	2.940.000.000	2.940.000.000
Công đoàn	600.000.000	600.000.000
Người lao động	359.000.000	359.000.000
Cổ đông khác ngoài doanh nghiệp	10.369.790.000	10.369.790.000
Tổng cộng	30.000.000.000	30.000.000.000

5.10.3. Cổ phần

	Năm nay	Năm trước
• Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	3.000.000	3.000.000
• Số lượng cổ phần phổ thông đã bán ra	3.000.000	3.000.000
• Số lượng cổ phần được mua lại	-	-
• Số lượng cổ phần đang lưu hành	3.000.000	3.000.000
• Mệnh giá cổ phần đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phần		

5.10.4. Lãi cơ bản trên cổ phần

	Năm nay	Năm trước
Lãi sau thuế của Công ty	27.910.772.908	13.855.360.126
Số cổ phần phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	3.000.000	3.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phần (EPS)	9.304	4.618

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

5.10.5. Phân phối lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa phân phối đầu năm	10.855.360.126	6.744.794.157
Lợi nhuận sau thuế trong năm	27.910.772.908	13.855.360.126
Trích lập Quỹ đầu tư phát triển	(7.277.056.126)	(4.099.660.023)
Trích lập Quỹ dự phòng tài chính	(692.768.000)	(452.921.178)
Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.385.536.000)	(905.842.356)
Chia cổ tức	(6.000.000.000)	(4.286.370.600)
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm	23.410.772.908	10.855.360.126

6. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong báo cáo kết quả kinh doanh

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động cung cấp nước	97.815.633.900	78.141.152.200
Doanh thu hoạt động lắp đặt	16.078.886.228	3.503.514.616
Giảm giá hàng bán	(15.533.125)	-
Doanh thu thuần	113.878.987.003	81.644.666.816

6.2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hoạt động cung cấp nước	60.894.538.426	52.635.558.319
Giá vốn của hoạt động lắp đặt	13.084.790.838	7.502.229.256
Tổng cộng	73.979.329.264	60.137.787.575

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là lãi tiền gửi ngân hàng.

6.4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí vật liệu, đồ dùng văn phòng	108.896.600	113.861.552
Chi phí nhân công	2.261.831.240	2.387.740.045
Chi phí khấu hao tài sản cố định	95.405.009	100.597.974
Chi phí dịch vụ mua ngoài	348.432.717	304.037.783
Chi phí khác bằng tiền	437.596.523	427.542.006
Tổng cộng	3.252.162.089	3.333.779.360

6.5. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	37.214.701.941	18.473.813.502
Cộng chi phí không được khấu trừ	1.014.191	-
Thu nhập tính thuế	37.215.716.132	18.473.813.502
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế TNDN phải nộp trong năm	9.303.929.033	4.618.453.376

47

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

6.6. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	47.850.557.218	40.353.813.393
Chi phí nhân công	11.842.666.570	8.296.653.641
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.345.166.636	9.181.101.939
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.726.417.765	4.767.715.429
Chi phí khác bằng tiền	2.335.811.407	1.083.902.997
Tổng cộng	78.100.619.596	63.683.187.399

7. Thông tin về các bên có liên quan

- Theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các đơn vị sau đây được xem là các bên có liên quan:

Tên công ty	Mối quan hệ
1. Công ty TNHH MTV Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	Công ty mẹ
2. Công ty Cổ Phần Cấp Nước Long Khánh	Công ty cùng tập đoàn
3. Công ty Cổ Phần Dịch Vụ Xây Dựng Cấp Nước Đồng Nai	Công ty cùng tập đoàn

- Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải trả với các bên liên quan như sau:

	Cuối năm	Đầu năm
Phải trả - Xem thêm mục 5.6	(324.588.536)	(8.584.846.851)

- Bản chất các giao dịch nội bộ quan trọng và giá trị giao dịch trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Mua nước sạch	37.731.607.948	32.699.704.000
Lắp đặt tài sản cố định	12.260.290.000	1.518.825.026

- Thù lao Hội đồng quản trị và Thu nhập của Ban Giám đốc:

	Năm nay	Năm trước
Thù lao Hội đồng quản trị	185.000.000	138.000.000
Lương Giám đốc	393.655.000	337.040.000
Lương Phó Giám đốc	300.919.400	240.650.000
Thù lao Ban kiểm soát	57.900.000	48.000.000
Tổng cộng	917.474.400	763.690.000

8. Công cụ tài chính

- Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

- Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.9.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

• Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi số	
	Cuối năm	Đầu năm
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.221.996.911	4.882.308.552
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.239.283.280	9.494.251.684
Tổng cộng	25.461.280.191	14.376.560.236
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán	513.115.590	8.679.509.651
Phải trả khác	263.346.075	239.027.800
Tổng cộng	776.460.665	8.918.537.451

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 (Thông tư 210) cũng như các quy định hiện hành chưa có những hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

• Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

• Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

• Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo rằng mức chênh lệch cao hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong trong kỳ được duy trì ở mức có thể được kiểm soát mà Công ty tin rằng có thể tạo ra một khoản vốn tương ứng trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo rằng Công ty duy trì đủ nguồn tiền từ tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các yêu cầu về tình thanh khoản trong ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn còn lại theo hợp đồng đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày đáo hạn sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011
 Đơn vị tính là Đồng Việt Nam trừ trường hợp được ghi chú khác.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán	513.115.590	-	513.115.590
Phải trả khác	263.345.075	-	263.345.075
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng
Phải trả người bán	8.679.509.651	-	8.679.509.651
Phải trả khác	239.027.800	-	239.027.800

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản là thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đảo hạn cho tài sản tài chính phi phải sinh. Bảng này được lập trên cơ sở mức đảo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phải sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty vì tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	13.239.263.280	-	13.239.263.280
31/12/2010	Dưới 1 năm	Từ 1- 5 năm	Tổng cộng
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.494.251.684	-	9.494.251.684

9. Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt phát hành báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 được Giám đốc Công ty phê duyệt và phát hành vào ngày 13 tháng 02 năm 2012

Đồng Nai, ngày 13 tháng 02 năm 2012

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRẦN VĂN THỦY

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN ANH TUẤN

Ý kiến kiểm toán:



Lầu 5, Tòa nhà Sài Gòn 3
140 Nguyễn Văn Thủ, Phường Đa Kao
Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Tel: (848) 3827 5026
Fax: (848) 3827 5027
www.horwathdtl.com
dtlco@horwathdtl.com.vn

Số: 12.124/BCKT-DTL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Kính gửi: Các thành viên Hội đồng quản trị
Các thành viên Ban Giám đốc
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC NHƠN TRẠCH**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2011, báo cáo kết quả kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được lập ngày 13 tháng 02 năm 2012 của Công ty cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch (dưới đây gọi tắt là Công ty) từ trang 04 đến trang 20 kèm theo. Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày các báo cáo tài chính này. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra các ý kiến nhận xét về tính trung thực và hợp lý của các báo cáo này căn cứ kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã tiến hành cuộc kiểm toán theo những Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Những chuẩn mực này đòi hỏi chúng tôi phải hoạch định và thực hiện cuộc kiểm toán để có cơ sở kết luận là các báo cáo tài chính có tránh khỏi sai sót trọng yếu hay không. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng những thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc xem xét các nguyên tắc kế toán, các khoản ước tính kế toán quan trọng do Công ty thực hiện, cũng như đánh giá tổng quát việc trình bày các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin rằng cuộc kiểm toán đã cung cấp những căn cứ hợp lý cho ý kiến nhận xét của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đính kèm đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Cấp Nước Nhơn Trạch vào ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 02 năm 2012

**KT: TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
KIỂM TOÁN
D.T.L.**

LỤC THỊ VÂN
Chứng chỉ KTV số 0172/KTV

KIỂM TOÁN VIÊN

PHẠM THỊ BÍCH HẠNH
Chứng chỉ KTV số 1505/KTV